

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 96/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 19-6-2024

V/v “Tranh chấp về ly hôn, nuôi con”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thị Mỹ Linh;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lương Văn Cầu;

2. Bà Nguyễn Thị Ngọc Kiều

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Bích Ngọc - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:
Bà Trần Thị Mỹ Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 102/2024/TLST-HNGĐ, ngày 01 tháng 4 năm 2024 về việc: “Tranh chấp về ly hôn, nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 151/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 15/5/2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1992 (có đơn xin vắng mặt);

Cư trú: Ấp V, xã V, huyện C, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: Chị Tô Thị Lệ T, sinh năm 1990 (vắng mặt);

Cư trú: Ấp V, xã V, huyện C, tỉnh An Giang.

Tạm trú: Ấp M, xã M, huyện C, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Nguyễn Văn L trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Do mai mối nên anh và chị T quen biết nhau và quyết định sống chung như vợ chồng, có tổ chức đám cưới năm 2008 và có đăng ký kết hôn muộn, số vào sổ 41, ngày 28/5/2022 tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện C, An Giang.

Sau khi kết hôn, chị T về sống bên gia đình anh, được khoảng hơn 03 tháng thì vợ chồng cất nhà riêng, sau đó lên Bình Dương làm năm 2019. Đến giữa năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, do chị T quan hệ đồng giới với người phụ nữ khác, vợ chồng thường xuyên cự cãi, vợ đuổi anh ra khỏi nhà trọ vào cuối năm 2022. Anh có khuyên can nhưng chị T không sửa đổi. Nhân dịp Tết, chị T có về quê thì cha mẹ anh có đến năn nỉ, nhưng vẫn không hàn gắn được. Vợ chồng đã ly thân từ đó đến nay. Trong thời gian này anh có tới lui thăm con và năn nỉ vợ nhưng không được, do đó anh không đến nữa mà chỉ gọi điện hỏi thăm con.

Nay tình cảm vợ chồng không còn, một đích hôn nhân không đạt được, nên anh yêu cầu được ly hôn với chị T.

- Về con chung: Có 01 đứa con chung, tên Nguyễn Văn Thái K, sinh ngày 01/4/2009. Hiện con đang sống với chị T. Sau ly hôn, anh đồng ý giao con cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

* *Đối với bị đơn chị Tô Thị Lệ T*: Tòa án đã nhiều lần tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng đến gia đình nhằm tạo điều kiện hòa giải đoàn tụ và hàn gắn quan hệ vợ chồng giữa hai người nhưng chị T đều vắng mặt không lý do và cũng không gửi văn bản nêu ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của anh L.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn: có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn chị T: Vắng mặt không có lý do mặc dù Tòa án đã tổng đạt hợp lệ nhiều lần các văn bản tố tụng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Thư ký Tòa án, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử, các đương sự cũng đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Văn L, giải quyết cho anh L được ly hôn với chị Tô Thị Lệ T; về con chung: giao cháu Thái K cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, anh L không cấp dưỡng nuôi con do chị T không yêu cầu. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không đặt ra xem xét. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Anh L phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Anh Nguyễn Văn L và chị Tô Thị Lệ T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 28 tháng 5 năm 2022 tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện C nên được pháp luật công nhận là vợ chồng theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 Luật

hôn nhân và gia đình. Nay vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nên anh L yêu cầu ly hôn với chị T. Chị T có hộ khẩu thường trú ở ấp V, xã V, huyện C, tỉnh An Giang. Căn cứ theo quy định khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

- Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn anh L có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn chị Tô Thị Lệ T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt. Việc vắng mặt không lý do chính đáng, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan là từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình được pháp luật bảo vệ nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Anh Nguyễn Văn L xác nhận cuộc sống hôn nhân thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 10 năm, đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, cuộc sống chung không phù hợp nên anh L yêu cầu được ly hôn với chị T.

Xét thấy, cuộc sống hôn nhân vợ chồng là nhằm xây dựng một gia đình thật sự hạnh phúc, vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chăm sóc và quan tâm lẫn nhau nhưng quan hệ vợ chồng giữa anh L và chị T đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng không còn tồn tại. Tòa án tiến hành lấy lời khai của chị T theo quy định, nhưng không lấy được lời khai do chị T vắng mặt tại nhà. Trong suốt quá trình giải quyết vụ án chị T đều vắng mặt, đồng thời không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện ly hôn và nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng mà phía nguyên đơn anh L đã trình bày, cũng như không có văn bản thể hiện ý kiến hay có nguyện vọng là muốn duy trì quan hệ hôn nhân với anh L.

Mặt khác, tại Biên bản lấy lời khai ngày 15/5/2024 đối với bà Tô Thị M là mẹ ruột của chị T thể hiện: Hiện nay chị T và anh L đã ly thân, cha mẹ hai bên đã cố gắng hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không thành, về quan hệ con chung phù hợp như lời trình bày của nguyên đơn. Bà M xác nhận phía chị T có nhận được các văn bản tố tụng của Tòa, nhưng vì bận đi làm Công ty nên không đến Tòa tham dự được, theo bà Lê M1 thì giữa chị T và anh L cũng không có khả năng đoàn tụ.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử đủ cơ sở xác định tình trạng hôn nhân giữa anh L và chị T đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân giữa hai người không đạt được, căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân gia đình nên chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Văn L là được ly hôn với chị Tô Thị Lệ T.

[3] Về quan hệ con cái, cấp dưỡng: Anh Nguyễn Văn L thừa nhận giữa anh và chị Tô Thị Lệ T có 01 con chung tên Nguyễn Văn Thái K, sinh ngày 01/4/2009. Mặt khác, giấy khai sinh của cháu cũng đã thể hiện rõ điều này, do đó cần công nhận cháu Nguyễn Văn T1 K là con chung của anh L và chị T. Hiện con đang sống với mẹ. Sau khi ly hôn, anh L đồng ý giao con cho chị T được tiếp tục nuôi dưỡng,

anh không cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử nhận thấy, từ khi ly thân, cháu K đã sống với mẹ. Hơn nữa, tại bản tự khai của cháu thể hiện cháu có nguyện vọng được sống với mẹ. Do đó, để ổn định tâm lý và đảm bảo phát triển cuộc sống của cháu, cần chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Văn L là giao cháu K cho chị T được tiếp tục nuôi dưỡng.

[4] Về tiền cấp dưỡng nuôi con chung: Chị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, đây là sự tự nguyện và phù hợp pháp luật nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, tuy nhiên khi điều kiện kinh tế và điều kiện nuôi con có thay đổi thì các bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con, cấp dưỡng trong một vụ kiện khác.

Anh Nguyễn Văn L có quyền tới lui, thăm nom chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định pháp luật.

[5] Về quan hệ tài sản, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí sơ thẩm: Do anh Nguyễn Văn L có yêu cầu ly hôn với chị Tô Thị Lệ T nên phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 9, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân gia đình 2014;

- Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 177, khoản 2 Điều 227, 228, Điều 271, Điều 273, 278, 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- *Xử:*

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của anh Nguyễn Văn L. Cho ly hôn giữa anh Nguyễn Văn L đối với chị Tô Thị Lệ T.

2. Về quan hệ con cái, cấp dưỡng: Công nhận cháu Nguyễn Văn Thái K, sinh ngày 01/4/2009 là con chung của anh Nguyễn Văn L và chị Tô Thị Lệ T;

+ Tiếp tục giao cháu Nguyễn Văn Thái K cho chị Tô Thị Lệ T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến tuổi trưởng thành (hiện cháu K đang sống chung với chị T); anh Nguyễn Văn L không phải cấp dưỡng nuôi con do chị T không yêu cầu;

+ Chị Tô Thị Lệ T cùng các thành viên trong gia đình (nếu có) không được cản trở anh L trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung.

+ Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

3. Về quan hệ tài sản, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm: Anh Nguyễn Văn L phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân sơ thẩm, đã nộp tạm ứng án phí 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0004574 ngày 01/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, An Giang, được khấu trừ nên anh L đã nộp xong.

5. Về quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Văn L và chị Tô Thị Lệ T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND.Châu Thành;
- Chi cục THADS.Châu Thành;
- Cơ quan nơi đăng ký kết hôn;
- Phòng KTNV và THA;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu văn phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

Hà Thị Mỹ Linh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Ngọc Kiều

Lương Văn Cầu

Hà Thị Mỹ Linh

